

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/03/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**;

2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Khánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Phư, sinh năm: 1991

HKTT và nơi cư trú: ấp 8, xã S R, huyện C M, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Thanh Nh, sinh năm: 1981

HKTT và nơi cư trú: ấp 8, xã S R, huyện C M, tỉnh Đồng Nai.

(chị Ph và anh Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh Nh tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S R huyện C M, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/9/2009, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong công việc, không thống nhất được về cách nuôi dạy con cái, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không

đạt được, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 12/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 24/4/2016, nguyện vọng của chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Thanh Nh trình bày: Qua quá trình tìm hiểu, quen biết và trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, anh và chị Nguyễn Thị Ph kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S R, đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai vợ chồng. Từ khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là do kể từ khi chị Ph đi làm công việc trình dợt viên từ năm 2018 phải đi làm xa nhà và thường xuyên ở lại bên ngoài, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ghen tuông về tình cảm. Khi say xỉn, về nhà do bức tức nên anh có la mắng chị Ph dẫn đến vợ chồng cãi vã. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đầu tháng 12/2020 thì chị Ph đưa các con ra bên ngoài thuê nhà trọ sinh sống và sống ly thân từ đó. Nay nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục hàn gắn nên anh Nhứt đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 12/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 24/4/2016, hiện các cháu đang ở cùng chị Ph. Nay ly hôn anh Nh đồng ý giao hai con chung cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung theo anh Nh trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật TTDS, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật TTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt trong các lần làm việc tại Tòa án.

Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Ph và anh Nh ly hôn; về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 12/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 24/4/2016 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Nh không phải thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ph có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Thanh Nh. Anh Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp 8, xã S R, huyện C M, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với chị Ph và anh Nh, chị Ph và anh Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thanh Nh tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S R, huyện C M, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 28/9/2009, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo chị Ph thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc sắp xếp công việc của mỗi người, không thống nhất về việc nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh.

Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thanh Nh cũng trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do công việc của chị Ph thường đi làm xa và ở lại bên ngoài nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng, hiện nay anh chị cũng đã sống ly thân. Tuy chị Ph và anh Nh trình bày nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau, nhưng đã đủ để nhận thấy rằng đời sống của vợ chồng anh chị đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, nhưng xin vắng mặt, chứng tỏ anh không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, chị Ph yêu cầu ly hôn anh Nh cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX xét thấy chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ph ly hôn anh Nguyễn Thanh Nh là phù hợp.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 12/02/2011 và cháu

Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 24/4/2016 và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Anh Nh cũng đồng ý với yêu cầu này. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Ph.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh Nh đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 12/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 24/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Nguyễn Thanh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ph đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0002199 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Sông Ray;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang